

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2020/DS-PT

Ngày 18-12-2020

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất;
tài sản gắn liền đất; yêu cầu
BTTH về tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Đức Châm.

Các Thẩm phán: Bà Lương Thị Mỹ Hạnh;
Ông Cao Đức Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 63/2020/TLPT-DS ngày 29 tháng 10 năm 2020 về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, bồi thường thiệt hại tài sản, buộc khôi phục hiện trạng ban đầu và yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 83/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Vy Văn L, sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn K, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Vy Văn L: Bà Nông Thị L (vợ ông Vy Văn L); cư trú tại: Thôn K, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tài H - Luật sư, văn phòng Luật sư Nghĩa H, Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Trần Xuân H, sinh năm 1964; cư trú tại: Đội 9, thôn Khả L, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

2. Bà Phương Thị Đ, sinh năm 1940; cư trú tại: Thôn Bản D, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phương Thị Đ: Bà Hoàng Hương D, sinh năm 1974; cư trú tại: Thôn Bản D, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền ngày 04/02/2020); có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Phương Thị Đ: Bà Triệu Thị Kim L - Luật sư, thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nông Thị L, sinh năm 1969 (vợ ông Lạc); cư trú tại: Thôn K, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Bà Đỗ Thị S, sinh năm 1965 (vợ ông H); cư trú tại: Thôn Đội 9, thôn Khả L, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

3. Chị Nông Thị M, sinh năm 1995 (con dâu ông L); cư trú tại: Thôn K, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Anh Vy Văn T, sinh năm 1993 (con trai ông L); cư trú tại: Thôn K, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

5. Anh Vy Văn T, sinh năm 1990 (con trai ông L); cư trú tại: Thôn K Đon, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Vy Văn T, chị Nông Thị M: Bà Nông Thị L; cư trú tại: Thôn K, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền ngày 29/6/2020), có mặt.

6. Ông Hà Duy N, sinh năm 1964 (con trai bà Đ); cư trú tại: Thôn B, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

7. Bà Hà Thu A, sinh năm 1967 (con gái bà Đ); cư trú tại: Số nhà 11, đường N, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

8. Bà Hoàng Hương D, sinh năm 1974 (con dâu bà Định); cư trú tại: Thôn B, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

9. Chị Hà Thanh T, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn Q, xã C, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

10. Anh Hà Hùng N, sinh năm 1992 (con trai bà Đ); nơi cư trú: Thôn B, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

11. Chị Hà Lan N, sinh năm 1999 (con gái bà D); cư trú tại: Thôn B, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Hà Hùng N, chị Hà Lan N, bà Hà Thu A, chị Hà Thanh T: Bà Hoàng Hương D; cư trú tại: Thôn B, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (theo văn bản ủy quyền ngày 04/2/2020 và ngày 19/6/2020); có mặt.

12. Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn C, chức vụ Giám đốc Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Văn C: Ông Vi Quang H, chức vụ Giám đốc văn phòng đăng ký đất đai huyện V, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền ngày 24/4/2020); có mặt.

13. Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Mạc Văn K, chức vụ Quyền Chủ tịch; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Mạc Văn K: Bà Hoàng Thị T, chức vụ Phó Chủ tịch (văn bản ủy quyền ngày 27/5/2020); vắng mặt.

14. Thôn Bản D, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện: Bà Hà Thị X, Trưởng thôn Bản D, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Sầm Quang C; có mặt.
2. Lương Thị N; vắng mặt.
3. Sầm Văn S; có mặt.
4. Sầm Văn T; có mặt.
5. Đàm Thị C; có mặt.
6. Hà Trọng Q; có mặt.
7. Hà Văn L; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: thôn Bản D, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn

8. Hà Thị T; vắng mặt.
9. Vi Văn C; có mặt.
10. Vi Văn N; có mặt.
11. Ông Vy Văn Đ; có mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn K, xã B, huyện V, Lạng Sơn

12. Bà Vi Thị L; cư trú tại: Thôn T, xã Buôn C, huyện K, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Vy Văn L là nguyên đơn và bà Phương Thị Đ là bị đơn.

Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn kháng nghị theo Quyết định số 47/QĐKNPT-VKS-DS ngày 25/9/2020 đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 26/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/11/2019, bổ sung ngày 02/01/2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án ông Vy Văn L, trình bày: Gia đình ông có 02 thửa đất trồng cây hàng năm; địa danh: Lầy L và Trang K, xóm L, thôn Bản D, xã X (nay là xã B), huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Thửa đất Lầy L nhận chuyển nhượng của ông Phương Văn C năm 1994, có lập văn bản là Giấy chuyển nhượng viết tay diện tích khoảng 03 sào, có xác nhận của chính quyền địa phương; Thửa đất Trang K nhận chuyển nhượng của ông Sầm Đức T từ năm 2005 có Giấy chuyển nhượng viết tay, không có xác nhận của chính quyền địa phương.

Sau khi nhận chuyển nhượng gia đình ông quản lý sử dụng liên tục trồng

ngô, sắn và trồng các cây ăn quả từ đó đến nay, trên đất có 02 cây lát và 03 cây xoan và các loại cây khác do gia đình ông trồng nhưng không nhớ thời điểm trồng, 02 thửa đất này ông đã làm thủ tục kê khai quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ), nhưng chưa được cấp do cơ quan chuyên môn trả lời đất núi đá không được cấp. Tháng 5 năm 2019 bà Phương Thị Đ và ông Trần Xuân H lấy máy xúc về san ủi mặt bằng thửa đất đã san lấp đường đi, đường hào lấn chiếm sang đất của gia đình ông, thửa đất Lầy Lọ 397,5m²; Trang K 269m².

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/5/2020 và thẩm định bổ sung ngày 24/8/2020 xác định: Thửa Lầy L tranh chấp là 3.143m², trong đó S1 = 1.101,1m² thuộc thửa 206 (đất núi đá), do cộng đồng thôn quản lý; S2 = 1.860,6m² thuộc một phần thửa 288; S3 = 50,5m²; S5 = 21,3m² thuộc một phần thửa 246 do UBND xã (viết tắt là UBND) quản lý; S4 = 109,9m² thuộc một phần thửa 246 (được trích đo thửa 725), theo bản đồ địa chính số 31 (ông Trần Xuân H nhận chuyển nhượng của ông Sầm Văn S). Đất san ủi đổ đất lấn diện tích 312,4m² (trong đó có đường dân sinh, đường hào ranh giới rộng 1,5m; đất đổ lấn chiếm thửa Trang K diện tích 129,7m², gồm đường đi diện tích 25,7m², đổ đất lấn sang thửa 288 diện tích 4,7m² + 70,9m²).

Kết quả định giá: Đất Lầy L 3.143m², trị giá 116.291.000 đồng; Thửa Trang K 129,7m², trị giá 4.798.000 đồng.

Tài sản trên đất: 02 cây mắc mật; 09 cây gỗ tạp; 01 cây ổi; 33 cây vầu; 02 cây xoan; 01 cây xương cá; 25 cây mai; 02 cây móc; 01 cây núc nác, tổng trị giá 2.882.500 đồng. Tổng cộng giá trị của đất và tài sản là 123.970.900 đồng.

Nay ông Vy Văn L yêu tiếp tục cầu được quản lý, sử dụng 3.143m², buộc ông Trần Xuân H, bà Phương Thị Đ chấm dứt việc tranh chấp thửa đất Lầy L diện tích 3.143m². Yêu cầu ông Trần Xuân H khôi phục hiện trạng thửa đất Trang K diện tích 129,7m² đất đổ lấn chiếm; 312,4m² đất Lầy L (trong đó có cả đường hào và đường đi). Yêu cầu hủy một phần diện tích đất S4 là 109,9m² được Sở Tài nguyên - Môi trường cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Trần Xuân H và bà Đỗ Thị S. Yêu cầu ông Trần Xuân H, bà Phương Thị Đ bồi thường thiệt hại 03 cây xoan và 02 cây lát khi san ủi. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ngày 25/3/2020 ông Vy Văn L đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về bồi thường thiệt hại 03 cây xoan và 02 cây lát trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn: Bà Nông Thị L, anh Vy Văn T, chị Nông Thị M đều thống nhất với lời trình bày của ông Vy Văn L và cùng yêu cầu giải quyết cho ông Vy Văn L được quản lý, sử dụng đất tranh chấp.

Bị đơn ông Trần Xuân H trình bày: Năm 2018 ông có nhận chuyển nhượng với bà Đàm Thị C một thửa đất trồng cây lâu năm, diện tích 3.223,0m² và nhận chuyển nhượng với ông Sầm Văn S một thửa đất trồng cây lâu năm liền kề, diện tích hơn 2.000m², đất chuyển nhượng bà Đàm Thị C và ông Sầm Văn S đã được cấp GCNQSDĐ, hai bên có Hợp đồng chuyển nhượng cho nhau. Sau khi nhận chuyển nhượng ông làm thủ tục đăng ký kê khai và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp GCNQSDĐ số CP 831732 ngày 16/10/2018 số

thửa 89, tờ bản đồ số 31 và GNQSDĐ số CR531014 ngày 17/02/2020 số thửa 246, tờ bản đồ 31, đồng thời tiến hành san ủi mặt bằng có bị lấp đất xuống tràn qua đường dân sinh của làng mới xảy ra tranh chấp. Nay ông Vy Văn L khởi kiện ông chấp nhận khôi phục lại nguyên trạng đối với phần diện tích đất bị san lấp. Đối với diện tích 109,9m² thuộc thửa số 24 là diện tích đất ông nhận chuyển nhượng với ông Sầm Văn S ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Vy Văn L, ông yêu cầu được quản lý, sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị S thống nhất với ý kiến trình bày của ông Trần Xuân H và yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng bà được quản lý sử dụng diện tích đất 109,9m².

Bị đơn bà Phương Thị Đ, người đại diện theo ủy quyền của bà Phương Thị Đ là bà Hoàng Hương D, trình bày: Bà và ông Phương Văn C là chị, em ruột chung sống cùng một gia đình. Nguồn gốc đất tranh chấp thửa đất Lầy Lọ, diện tích 3.143m² do bà tự khai phá từ năm 1959 và canh tác, quản lý trồng ngô, sắn liên tục. Năm 1963 bà xây dựng gia đình nhưng vẫn chung sống với mẹ và em trai là ông Phương Văn C. Sau khi ông Phương Văn C lấy vợ thì vợ chồng bà làm nhà ra ở riêng, nhưng bà vẫn về canh tác thửa đất này, năm 2000 gia đình bà được Dự án ICO cấp cây nhãn, bưởi về trồng, do gia đình neo người không trông coi được nên bị trâu, bò phá hết, những cây ổi, cây mắc mật, cây tre mai, là do bà trồng nhưng không nhớ trồng năm nào, có 02 bụi tre mai gia đình khai thác thường xuyên. Khi ông Phương Văn C vào Miền Nam sinh sống bà vẫn tiếp tục quản lý sử dụng đất, không có tranh chấp. Do đó, ông Phương Văn C không có quyền bán thửa đất này.

Nay ông Vy Văn L làm đơn khởi kiện tranh chấp bà không đồng ý, bà yêu cầu tiếp tục được quản lý sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp 3.143,4m²; đối với phần diện tích đất 109,9m² là của ông Sầm Văn S đã chuyển nhượng cho ông Trần Xuân H bà không yêu cầu quản lý sử dụng. Phần diện tích 129,7m² thuộc đất Trang K là phần đất ông Vy Văn L yêu cầu ông Trần Xuân H khôi phục bà không có ý kiến gì. Phần diện tích đất đường hào, đường đi được xác định theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/8/2020 gia đình bà đồng ý để lại làm đường đi chung. Giữa bà và ông Trần Xuân H không có tranh chấp nên không yêu cầu ông Trần Xuân H phải khôi phục lại đường hào, đường đi thuộc một phần diện tích đất thửa 288.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phía bị đơn: Ông Hà Duy N, bà Hà Thu A, chị Hà Thanh T, anh Hà Hùng N, chị Hà Lan N đều thống nhất với lời trình bày của bà Phương Thị Đ, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Phương Thị Đ quản lý, sử dụng đất tranh chấp và tài sản trên đất.

Đại diện sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn ông Vi Quang H, Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai huyện V, trình bày: Thửa đất của ông Trần Xuân H nhận chuyển nhượng với bà Đàm Thị C và ông Sầm Văn S tại Lầy L và Trang K, xóm L, thôn Bản D, xã B, huyện V là đúng quy định, việc tiếp nhận hồ sơ và cấp GCNQSDĐ cho ông Trần Xuân H và bà Đỗ Thị S là đúng trình tự, thủ tục của Luật đất đai. Ông Vy Văn L yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ đã cấp

cho ông Trần Xuân H là không có cơ sở. Đối với diện tích đất tranh chấp thuộc thửa 288 chưa được cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình, cá nhân nào, đất không thuộc diện quy hoạch, có thể giao quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân theo quy định, tài sản có trên đất được phép tồn tại. Thửa 206 là đất núi đá thuộc Cộng đồng thôn quản lý, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của UBND xã B., huyện V bà Hoàng Thị T, trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp trước năm 1959 do bà Phương Thị Đ khai phá, năm 1963 bà lấy chồng em trai bà là ông Phương Văn C tiếp tục quản lý, sử dụng. Năm 1994 ông Phương Văn C chuyển nhượng cho ông Vy Văn L nhưng không nói để bà Phương Thị Đ biết. Sau khi nhận chuyển nhượng ông Vy Văn L không thường xuyên canh tác. Năm 2000 - 2003 bà Phương Thị Đ được cấp cây bưởi, nhãn theo dự án ICO về trồng, nhưng cũng không trường xuyên quản lý nên trâu, bò phá hết. Qua đối chiếu bản đồ thửa đất đang tranh chấp là thửa 288, 246 chưa quy chủ cho hộ gia đình nào; thửa đất ông Trần Xuân H đã nhận chuyển nhượng với ông Sầm Văn S, Bà Đàm Thị C là đúng theo quy định, bà yêu cầu giải quyết theo quy định. Về đất tranh chấp thuộc thửa 206 là đất núi đá do Cộng đồng thôn quản lý, yêu cầu giải quyết để thôn quản lý. Về đường đi qua thửa đất tranh chấp yêu cầu giải quyết để người dân đi lại, yêu cầu khôi phục đường dân sinh đi lại qua thửa đất tranh chấp.

Đại diện thôn Bản D là bà Hà Thị Xuân trình bày: Thửa đất Lầy L đang tranh chấp có một phần diện tích 1.101,1m² thuộc thửa 206, thể hiện trong sổ mục kê là đất cộng đồng thôn quản lý. Do vậy, thôn đã thống nhất yêu cầu để cộng đồng thôn quản lý, phần diện tích còn lại đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Những người làm chứng ông Sầm Quang C, bà Lương Thị N, ông Sầm Văn S, Sầm Văn T, ông Hà Trọng Q, Hà Văn L, ông Vi Văn C, ông Vi Văn N, bà Hà Thị T đều khẳng định: Thửa đất tại Lầy L đang tranh chấp là của gia đình bà Phương Thị Đ khai phá, quản lý từ trước đến nay không tranh chấp. Khi vợ chồng ông Phương Văn C chuyển vào Miền Nam sinh sống có bán thửa đất Lầy L cho ông Vy Văn L, nhưng bán từ năm nào, diện tích bao nhiêu mét vuông, trị giá bao nhiêu, có giấy tờ gì các ông, bà không biết.

Bà Đàm Thị C xác nhận thửa đất bà chuyển nhượng cho ông Trần Xuân H có nguồn gốc do bà nhận chuyển nhượng với ông Sầm Quốc T, gia đình bà đã được cấp GCNQSDĐ, năm 2018 bà đã chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích đất này cho ông Trần Xuân H. Từ năm 1990 đến nay bà chưa thấy ông Vy Văn L canh tác thửa đất cạnh đất nhà bà bao giờ. Ông Trần Xuân H san mặt bằng đất chỉ có đất đổ lán sang thửa đất đang tranh chấp, chứ ông Trần Xuân H không tranh chấp đất nhà ông Vy Văn L

Ông Vy Văn Đ trình bày: Ông và ông Vy Văn L là hai anh em, năm 1994 chung tiền mua thửa đất Lầy L với ông Phương Văn C. Khi mua thống nhất cho ông Vy Văn L đứng tên viết giấy chuyển nhượng, hai anh em chỉ mua phần đất cày được, không mua phần núi đá, lúc mua bà Phương Thị Đ biết nhưng không có ý kiến gì, hàng năm canh tác. Năm 1999 bố ông mất hai anh em mới chia

nhau đất đai, ông Vy Văn L được chia thừa đất Lầy L, Trang K. Ông Vy Văn L canh tác một thời gian đất cần, trâu bò phá nhiều nên ông Vy Văn L bỏ đi làm thợ mộc, không ai canh tác nữa. Cách đây khoảng 04 năm gia đình ông Vy Văn L có đến phát lại mảnh vườn, chặt tre về sử dụng. Do đó, ông yêu cầu giải quyết cho ông Vy Văn L quản lý, sử dụng đất tranh chấp.

Bà Vi Thị L khẳng định từ năm 1960 bà lấy ông Phương Văn C đã được cùng canh tác đất vườn Lầy L, khi bà Phương Thị Đ đi lấy chồng thì không quay về canh tác, năm 1994 gia đình bà chuyển vào Nam sinh sống thì bán đất vườn cho ông Vy Văn L phần đất cày được khoảng 03 sào, không đo đạc cụ thể vì trên đất còn có đá và dốc, ngoài ra có khoảng 02 sào đất núi đá nhưng chỉ viết giấy chuyển nhượng phần đất cày được. Việc chuyển nhượng, bà Phương Thị Đ biết nhưng không có ý kiến gì. Bà khẳng định không còn liên quan đến diện tích đất tranh chấp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn đã giải quyết:

1. Về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Ông Vy Văn L được quyền quản lý sử dụng diện tích 1.080m² tại Lầy Lọ, xóm L, thôn Bản D, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn thuộc một phần thửa 288 tờ bản đồ đất lâm nghiệp năm 2011 xã X, (nay là xã B), huyện V, tỉnh Lạng Sơn, được xác định bởi các điểm A1-A2-C-D-G1. Được sở hữu 08 cây mai, 01 cây xoan, 01 cây ổi.

1.2. Ông Trần Xuân H được quyền quản lý sử dụng diện tích 109,9m² tại Lầy Lọ, xóm L, thôn Bản D, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, thuộc thửa 246 (được trích đo thành thửa 725), tờ bản đồ địa chính số 31 xã X, (nay là xã B), huyện V, tỉnh Lạng Sơn, được xác định bởi các điểm K-P-M-L.

1.3. Bà Phương Thị Đ được quyền quản lý diện tích 709,1m² thuộc thửa 288, diện tích S3 + S5 = 50,5m² + 21,3m² = 71,8m² nằm trong thửa 246 tổng cộng là 776,8m² tại Lầy L, xóm L, thôn Bản D, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, thuộc một phần thửa 246, tờ bản đồ đất lâm nghiệp năm 2011, xã X (nay là xã B), huyện V, tỉnh Lạng Sơn, được xác định bởi các điểm A1-A2-H1-K1-P-M-N-O. Được sở hữu 33 cây vầu, 02 cây mắc mật, 01 cây xương cá, 01 cây xoan.

Vị trí các cạnh thể hiện trên Phụ lục sơ đồ khu đất tranh chấp ngày 24/8/2020 kèm theo. Buộc các bị đơn chấm dứt hành vi tranh chấp đối với phần diện tích mà ông Vy Văn L được quyền quản lý, sử dụng. Buộc ông Vy Văn L chấm dứt hành vi tranh chấp đối với diện tích mà ông Trần Xuân H, bà Phương Thị Đ được quản lý, sử dụng. Sau khi án có hiệu lực pháp luật, ông Vy Văn L, bà Phương Thị Đ có nghĩa vụ kê khai đăng ký đất đai với Nhà nước theo quy định của pháp luật.

1.4. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự để lại diện tích đường đi là 4,7m² + 70,9m² + 25,7m², thuộc một phần thửa 246 và một phần thửa 288, tờ bản đồ đất lâm nghiệp năm 2011 xã X, nay là xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn

được xác định theo các điểm K-K1-H-H1; H-H1-A2-G1-G. Giao cho UBND xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn quản lý đất đường đi nêu trên.

1.5. Giao cho UBND xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn quản lý diện tích 1.101,1m² thuộc một phần thửa 206, tại Lầy L, thôn Bản D, tờ bản đồ đất lâm nghiệp năm 2011, xã X, nay là xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, được xác định theo các điểm A-A1-B-C-A2-O và 02 cây tạp, 02 cây móc và 01 cây núc nác.

Buộc nguyên đơn và người có quyền lợi liên quan phía nguyên đơn chấm dứt hành vi tranh chấp đối với phần diện tích mà các bị đơn được quyền quản lý, sử dụng. Buộc các bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía bị đơn chấm dứt hành vi tranh chấp đối với diện tích đất nguyên đơn được quản lý, sử dụng.

1.6. Về yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ: Không chấp nhận yêu cầu của ông Vy Văn L về việc yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ số CP 831732 ngày 16/10/2018 của Sở Tài nguyên - Môi trường đã cấp cho ông Trần Xuân H và bà Đỗ Thị S tại thửa 89 vì không có đất tranh chấp; Không chấp nhận yêu cầu của ông Vy Văn L yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR531014 ngày 17/02/2020 của Sở Tài nguyên - Môi trường đã cấp cho ông Trần Xuân H và bà Đỗ Thị S đối với diện tích 109,9m² tại Lầy L, xóm L, thôn Bản D, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, thuộc thửa 246 (được trích đo thành thửa 725).

2. Về yêu cầu buộc khôi phục hiện trạng đất: Ông Trần Xuân H phải khôi phục hiện trạng đối với diện tích đất tranh chấp tại Lầy L, xóm L, thôn Bản D, xã B, huyện V là 312m², trong đó có 172,5,2m² trong phần diện tích đất ông Vy Văn L được quản lý; có 70,9m² + 4,7m² là diện tích đường đi, được xác định bởi các điểm H-H1-A3-G-G1 + K-K1-H-H1 + phần 129,7m² trong đó có 20,7m² là diện tích đường đi thuộc thửa 288, tại Trang K, Lũng K, thôn Bản D, xã B, huyện V, Lạng Sơn.

3. Về bồi thường thiệt hại: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vy Văn Lạc đòi ông Trần Xuân H và bà Phương Thị Đ bồi thường thiệt hại về tài sản 02 cây lát và 03 cây xoan trị giá số tiền là 10.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/9/2020 nguyên đơn ông Vy Văn L nộp đơn kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm buộc bị đơn ông Trần Xuân H phải trả lại 109,9m²; bà Phương Thị Đ phải trả lại 776,8m² đất ở Lầy L cho gia đình ông; buộc UBND xã B, huyện V phải bàn giao 1.101,1m² (đất núi đá), thuộc địa danh Lầy Lọ cho gia đình ông; Mọi chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản tại chỗ các đồng bị đơn phải chịu trách nhiệm thanh toán trả lại cho gia đình ông.

Ngày 09/9/2020 bị đơn bà Phương Thị Đ nộp đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho bà được quyền quản lý, sử dụng 1.860,6m² đất tranh chấp vì thửa đất này là do vợ chồng bà khai phá, quản lý, sử dụng từ năm 1959 đến nay.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn kháng nghị nghị theo Quyết định số 47/QĐKNPT-VKS-DS ngày 25/9/2020 đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 26/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn theo hướng hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm để giải quyết lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Vy Văn L giữ nguyên nội dung kháng cáo. Người bảo vệ quyền và lợi hợp pháp cho nguyên đơn ông Vy Văn L trình bày và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 11; Điều 163; Điều 164 Bộ luật dân sự; Điều 5; Khoản 5 Điều 166 Luật đất đai năm 2013. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vy Văn L.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phương Thị Đ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Phương Thị Đ. Người bảo vệ quyền và lợi hợp pháp cho bị đơn trình bày và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sử dụng bản án sơ thẩm giao cho bà Phương Thị Đ được quản lý diện tích 1.860,6m² đất tranh chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa giữ nguyên nội dung quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết theo hướng hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn, giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Xét kháng cáo của bà Phương Thị Đ: Xác định đất tranh chấp có nguồn gốc là đất từ gia đình ông Phương Văn C và bà Phương Thị Đ, cùng khai phá và quản lý, canh tác. Theo Giấy chuyển nhượng ngày 07/11/1994 xác định ông Phương Văn C chuyển nhượng cho ông Vy Văn L khoảng 03 sào gồm cả khối tài sản, ruộng, vườn, nhà cửa thuộc khu đất Lầy L. Bà Đ chỉ chứng minh được việc quản lý đối với diện tích đất 776,8m² còn lại không cung cấp được tài liệu chứng minh quá trình quản lý 1.860,6m². Do vậy, bà Đ kháng cáo yêu cầu được quản lý toàn bộ đất tranh chấp là không có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Vy Văn L và người đại diện cho bà Phương Thị Đ đều khai nhận trên đất tranh chấp có cây Quýt. Bên nguyên đơn ông L cho rằng cây Quýt có từ năm 2005 (thời điểm nhận mua đất với ông S), trồng bên khu đất Trang K; còn bị đơn cho rằng cây Quýt được chính con dâu bà Đ là chị Hoàng Hương D trồng năm 2015 tại khu đất Lầy L.

Như vậy, nội dung kháng cáo của ông Vy Văn L và bà Phương Thị Đ yêu cầu được quản lý đất tranh chấp nhưng chưa được Tòa án xác minh rõ về quá trình quản lý, sử dụng đất tranh chấp, về tài sản trên đất tranh chấp.

- Về kháng nghị: Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 25/9/2020 có một số vi phạm như sau:

Bản án sơ thẩm quyết định chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vy Văn L, được quyền quản lý diện tích 1.080m² (các điểm A1-A2-C-D-G1), thuộc một phần thửa 288 và yêu cầu buộc khôi phục hiện trạng đất, nhưng không quyết định đối với yêu cầu của ông Vy Văn L không được chấp nhận là chưa đầy đủ. Cần bổ sung lời tuyên để đảm bảo việc giải quyết vụ án được toàn diện.

Xác định nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, ông Vy Văn L chỉ được Tòa án chấp nhận đối với diện tích 1.080m² nên ông Vy Văn L phải chịu chi phí tố tụng tương đương với phần diện tích không được Tòa án chấp nhận. Bản án sơ thẩm quyết định ông Vy Văn L phải chịu chi phí tố tụng 9.000.000 đồng là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự, ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự khác.

Như vậy, kháng nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, mặt khác tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa như đã phân tích ở trên chưa được Tòa án sơ thẩm xem xét, cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

Đề nghị HĐXX áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 308, Điều 310 chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 26/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm, kháng cáo của ông Vy Văn L và bà phương Thị Đ được xem xét sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Vy Văn L và bị đơn bà Phương Thị Đ được nộp trong thời hạn luật định, nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đầy đủ việc cấp tổng đạt, các đương sự tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của bị đơn ông Trần Xuân H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng tham gia phiên tòa, nhưng người vắng mặt đã có đơn xin giải quyết vắng mặt hoặc ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng. Căn cứ vào Điều 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Đối với nội dung kháng cáo của ông Vy Văn L yêu cầu buộc bị đơn ông Trần Xuân H phải trả lại 109,9m² và yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ đã cấp cho ông Trần Xuân H. Hội đồng xét xử, thấy rằng: Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, thể hiện trên bản phụ lục bổ sung khu đất tranh chấp do Công ty cổ phần Tài nguyên số 01 Lạng Sơn đo vẽ là phần diện tích S4 = 109,9m² thuộc một phần thửa 246 (được trích đo thửa 725), tờ bản đồ địa chính số 31, đã được cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Trần Xuân H. Trước khi ông Trần Xuân H nhận chuyển nhượng của bà Đàm Thị C, gia đình bà Đàm Thị C đã được cấp GCNQSDĐ, nguồn gốc đất là do bà Đàm Thị C mua với ông Sầm Quốc T. Đối với việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Trần Xuân H được Đại diện sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn khẳng định thửa đất của ông Trần Xuân H nhận chuyển nhượng với bà Đàm Thị C và ông Sầm Văn S tại Lầy L và Trang K, xóm L, thôn Bản D, xã B, huyện V là đúng quy định, việc tiếp nhận hồ sơ và cấp GCNQSDĐ

cho ông Trần Xuân H và bà Đỗ Thị S là đúng trình tự, thủ tục của Luật đất đai. Ông Vy Văn L yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ đã cấp cho ông Trần Xuân H là không có cơ sở. Vì vậy, ông Vy Văn L cho rằng ông Trần Xuân H lấn chiếm nhưng không cung cấp được các tài liệu chứng cứ, sơ họa thửa đất, chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ. Do vậy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Vy Văn L, cấp sơ thẩm đã giải quyết bác yêu cầu khởi kiện của ông Vy Văn L và bác yêu cầu đòi hủy một phần diện tích 109m² đã được cấp GCNQSDĐ cho ông Trần Xuân H là đúng.

[4] Đối với nội dung kháng cáo của ông Vy Văn L yêu cầu buộc bà Phương Thị Đ phải trả lại 776,8m². Hội đồng xét xử, xét thấy: Nguồn gốc đất tranh chấp là của gia đình bà Phương Thị Đ, ông Phương Văn C khai phá quản lý sử dụng. Theo bà Phương Thị Đ khai trước năm 1963 bà là người trực tiếp khai phá quản lý, canh tác. Từ năm 1970 ông Phương Văn C kết hôn với bà Vi Thị L thì bà Phương Thị Đ làm nhà ở riêng nhưng vẫn canh tác, quản lý sử dụng thửa đất. Năm 1994 ông Phương Văn C đi Miền Nam đã chuyển nhượng cho ông Vy Văn L 03 sào đất vườn, theo Giấy chuyển nhượng ngày 07/11/1994 có xác nhận của ông Hà Minh T, việc chuyển nhượng bà Phương Thị Đ không biết. Do đó, bà Phương Thị Đ cho rằng ông Phương Văn C không có quyền chuyển nhượng thửa đất của bà cho ông Vy Văn L. Sau khi nhận chuyển nhượng, gia đình ông Vy Văn L quản lý, canh tác theo tập quán địa phương nhưng không thường xuyên liên tục, bà Phương Thị Đ có biết không có ý kiến phản đối, điều này phù hợp với lời khai bà Vi Thị L và ông Vy Văn C (em trai ông Vy Văn L), khai khi mua ông Vy Văn L chỉ mua phần đất cày được (đất vườn), không mua phần núi đá, lúc mua bà Phương Thị Đ biết nhưng không có ý kiến gì. Sau khi nhận chuyển nhượng canh tác, sử dụng một thời gian do đất cần cỗi nên bỏ hoang. Do không canh tác, sử dụng thường xuyên nên gia đình bà Phương Thị Đ vẫn canh tác, quản lý, sử dụng, quá trình canh tác quản lý, sử dụng gia đình bà Phương Thị Đ đã khai phá mở rộng thêm diện tích sử dụng. Do có việc canh tác đan xen giữa hai gia đình. Gia đình bà Phương Thị Đ có công sức khai phá mở rộng thêm diện tích sử dụng nên ông Vy Văn L khởi kiện yêu cầu được quản lý toàn bộ diện tích đất tranh chấp (trong đó có cả phần diện tích 1.101,1m² đất núi đá), do cộng đồng dân cư thôn quản lý là không phù hợp. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện để ông Vy Văn L được quyền quản lý sử dụng 1.080m² được thể hiện trên Bản phụ lục bổ sung bởi các điểm A1-A2-G1-D-C (tương ứng với 03 sào đất vườn, theo Giấy nhận chuyển nhượng với ông Phương Văn C) và được sở hữu 08 cây mai, 01 cây xoan, 01 cây ổi; phần diện tích đất còn lại 709,7m² bà Phương Thị Đ được quyền quản lý, sử dụng và sở hữu các cây trồng trên đất là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Vy Văn L buộc UBND xã B, huyện V phải bàn giao 1.101,1m² (đất núi đá), cho gia đình ông được quản lý sử dụng là không có cơ sở để chấp nhận. Cấp sơ thẩm giải quyết giao cho UBND xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn quản lý là đúng. Tuy nhiên, về câu từ dùng từ "giao đất" là không phù hợp vì Tòa án không có thẩm quyền giao đất nên cần sửa lại phần lời tuyên là: UBND xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn có trách nhiệm quản lý đất đai tại địa phương theo thẩm quyền quy định của Luật đất đai.

[6] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà Phương Thị Đ yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho bà được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp 1.860,6m², Hội đồng xét xử, xét thấy: Theo lời khai của bà Phương Thị Đ đất tranh chấp là do trước năm 1963 do bà là khai phá quản lý, canh tác sử dụng. Năm 1994 vợ chồng ông Phương Văn C đi Miền Nam đã tự ý chuyển nhượng cho ông Vy Văn L theo giấy chuyển nhượng ngày 07/11/1994 là 03 sào, việc chuyển nhượng bà không biết và không đồng ý và cho rằng ông Phương Văn C không có quyền chuyển nhượng thửa đất của bà khai phá. Tuy nhiên, bà Phương Thị Đ cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ có giá trị pháp lý để chứng minh thửa đất tranh chấp thuộc thẩm quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của bà. Những người làm chứng ông Sầm Quang C, bà Lương Thị N, ông Sầm Văn S, Sầm Văn T, ông Hà Trọng Q, Hà Văn L, ông Vi Văn C, ông Vi Văn N, bà Hà Thị T đều khai thửa đất đang tranh chấp tại Lầy L là của gia đình bà Phương Thị Đ khai phá, quản lý từ trước đến nay; khi vợ chồng ông Phương Văn C chuyển vào Miền Nam sinh sống có bán thửa đất Lầy L cho ông Vy Văn L, nhưng bán từ năm nào, diện tích, trị giá bao nhiêu không ai biết. Đối với gia đình ông Vy Văn L sau khi nhận chuyển nhượng không canh tác thường xuyên vẫn để gia đình bà Phương Thị Đ canh tác, quản lý, sử dụng và khai phá mở rộng thêm. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết bà Phương Thị Đ được quyền quản lý diện tích 709,7m², được thể hiện trên Bản phụ lục bổ sung bởi các điểm A1-A2-H1-K1-P-M-N-O và được quyền sở hữu 33 cây vầu, 02 cây mắc mật, 01 cây xương cá, 01 cây xoan trên thửa đất là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc thửa đất hết tổng số tiền là 17.000.000 đồng. Do các bên không thống nhất được nghĩa vụ chịu chi phí. Cấp sơ thẩm xác định các đương sự phải chịu tương ứng với phần yêu cầu giải quyết không được Tòa án chấp nhận là đúng.

[8] Theo quyết định của bản án sơ thẩm ông Vy Văn L khởi kiện yêu cầu được quản lý sử dụng là: $3.273\text{m}^2 : 17.000.000\text{đồng} = 5.194\text{ đồng/m}^2$. Cấp sơ thẩm giải quyết ông Vy Văn L được chấp nhận 1080m^2 đất tranh chấp và $442,1\text{m}^2$ đất buộc ông Trần Văn H phải khôi phục lại. Tổng $1.522\text{m}^2 \times 5.194\text{ đồng} = 7.905.268\text{ đồng}$; diện tích không được chấp nhận $3.273\text{m}^2 - 1522\text{m}^2 = 1751\text{m}^2 \times 5.194\text{ đồng} = 9.094.694\text{ đồng}$.

[9] Bà Phương Thị Đ yêu cầu được quản lý, sử dụng $1860,6\text{m}^2 \times 5.194\text{ đồng} = 9.663.956,4\text{ đồng}$; bà Phương Thị Đ được chấp nhận $709,7\text{m}^2 \times 5.194\text{ đồng} = 3.686.181\text{ đồng}$; không được chấp nhận $1.150,9\text{m}^2 \times 5.194\text{ đồng} = 5.977.774\text{ đồng}$.

[10] Ông Trần Văn H đồ đất san ủi $442,1\text{m}^2 +$ yêu cầu được quản lý, sử dụng $109,9\text{m}^2$; được chấp nhận $109,9\text{m}^2 \times 5.194\text{ đồng} = 57.820\text{ đồng}$; không được chấp nhận $442,1\text{m}^2 \times 5.194\text{ đồng} = 2.139.928\text{ đồng}$.

[11] Hội đồng xét xử, nhận thấy: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn kháng nghị cho rằng cấp sơ thẩm giải quyết buộc ông Vy Văn L phải chịu 9.000.000 đồng; bà Phương Thị Đ phải chịu 5.000.000 đồng; ông Trần Xuân H phải chịu 3.000.000 đồng là không phù hợp với phần yêu cầu giải quyết không

được Tòa án chấp nhận. Xét thấy, việc kháng nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ. Tuy nhiên, xét thấy phần chi phí tố tụng do cấp sơ thẩm buộc các đương sự phải chịu chênh lệch không lớn, mặt khác sau khi xét xử sơ thẩm, ông Trần Xuân H không kháng cáo nên phần chi phí ông Trần Xuân H phải chịu đã có đã có hiệu lực pháp luật. Phần chi phí tố tụng còn lại 14.000.000 đồng, cấp sơ thẩm buộc ông Vy Văn L phải chịu 9.000.000 đồng và bà Phương Thị Đ phải chịu 5.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[12] Đối với kháng nghị của Viện Kiểm sát cho rằng ông Vy Văn L khởi kiện được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 1.080m², nhưng không quyết định đối với yêu cầu của ông Vy Văn L không được chấp nhận là thiếu sót. Xét thấy: Kháng nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ cần phải sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vy Văn L đòi quyền quản lý, sử dụng đối với phần diện tích đất còn lại, cụ thể: Diện tích 709,7m², thuộc thửa 288; diện tích S3 + S5 = 71,8m², thuộc thửa 246 và phần diện tích đất S1 (đất núi đá) = 1.101,1m², thuộc một phần thửa 206, tại Lầy L, thôn Bản D, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn vì không có căn cứ. Tại phiên tòa nguyên đơn khai trên thửa đất có 01 cây quýt do nguyên đơn trồng trên thửa đất Trang K; bị đơn khai cây quýt là do gia đình bị đơn trồng khoảng năm 2016 trên đất Lầy L và các đương sự trình bày việc trồng cây quýt là để khẳng định mình được canh tác, quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp để yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp, không phải là để xác định ranh giới, mốc giới thửa đất và không yêu cầu phải xem xét thẩm định, định giá lại cây quýt. Do vậy việc các đương sự khai được trồng cây quýt là để xác định chủ quyền quản lý, sử dụng không làm thay đổi bản chất nội dung vụ việc.

[13] Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm cho rằng cấp sơ thẩm đã có những vi phạm nghiêm trọng về việc thu thập đánh giá chứng cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung. Xét thấy, cấp sơ thẩm đã có những thiếu sót khi giải quyết vụ án, chấp nhận một phần yêu cầu của đương sự nhưng không tuyên bác phần yêu cầu của đương sự không được Tòa án chấp nhận và cách tính chi phí tố tụng, sử dụng ngôn từ trong vụ án chưa phù hợp, những thiếu sót của cấp sơ thẩm Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm chỉ cần sửa những nội dung thiếu sót là được.

[14] Từ những phân tích nhận định trên xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các đương sự và chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn; sửa Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

[15] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[16] Ý kiến đề nghị của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Vy Văn L thấy rằng, ông Vy Văn L có thời gian không canh tác, sử dụng thường xuyên dẫn đến gia đình bà Phương Thị Đ cùng canh tác trên

thửa đất, một phần diện tích là đất núi đá thuộc cộng đồng thôn quản lý, do đó chỉ chấp nhận một phần cầu của nguyên đơn về đất và tài sản tranh chấp như đã phân tích phần nhận định nêu tại yêu cầu của nguyên đơn trên là phù hợp.

[17] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Phương Thị Định đề nghị giải quyết cho bà Phương Thị Đ toàn bộ diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa 288 và 206, 246 là không có căn cứ như đã nhận định nêu tại mục [10] nêu trên, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của bị đơn về đất tranh chấp và tài sản trên đất là phù hợp.

[18] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án có một phần phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được pháp nhận, phần không phù hợp không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của ông Vy Văn L và bà Phương Thị Đ; chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn; sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn; cụ thể:

Căn cứ khoản 2, 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1, 5 Điều 157, Điều 158, khoản 1, 2, 5 Điều 161, Điều 162; khoản 1, 5 Điều 165; Điều 166; Điều 228; Điều 229; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 468, 158, 221 Bộ luật Dân sự; Điều 46, 75, 105, 107 Luật Đất đai năm 2003; Điều 4, 12, 26, 95, 135, 166, 170, 203 Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 điều 24; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Ông Vy Văn L được quyền quản lý sử dụng diện tích 1.080m² tại Lầy Lọ, xóm L, thôn Bản D, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn thuộc một phần thửa 288 tờ bản đồ đất lâm nghiệp năm 2011 xã X, (nay là xã B), huyện V, tỉnh Lạng Sơn, được xác định bởi các điểm A1-A2-G1-D-C và được quyền sở hữu 08 cây mai, 01 cây xoan, 01 cây ổi trồng trên diện tích đất.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vy Văn L đòi quyền quản lý, sử dụng diện tích 709,7m² thuộc một phần thửa 288; diện tích S3 + S4 + S5 = 181,7m² nằm trong thửa 246 và phần diện tích đất S1 (đất núi đá) = 1.101,1m² thuộc một phần thửa 206; địa danh: Lầy L, thôn Bản D, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

1.3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Vy Văn L về việc yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ số CP 831732 ngày 16/10/2018 của Sở Tài nguyên - Môi trường đã cấp cho ông Trần Xuân H và bà Đỗ Thị S tại thửa 89 vì không có đất tranh chấp; Không chấp nhận yêu cầu của ông Vy Văn L yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ số CR531014 ngày 17/02/2020 của Sở Tài nguyên - Môi trường đã cấp cho ông Trần Xuân H và bà Đỗ Thị S đối với diện tích 109,9m² tại Lầy L, xóm L, thôn Bản D, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, thuộc thửa 246 (được trích đo thành thửa 725).

2. Ông Trần Xuân H được quyền quản lý sử dụng diện tích 109,9m², thuộc thửa 246 (được trích đo thành thửa 725), tờ bản đồ địa chính số 31 xã X, (nay là xã B), huyện V, tỉnh Lạng Sơn, được xác định bởi các điểm K-P-M-L; địa danh: Lầy L, xóm L, thôn Bản D, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Buộc ông Trần Xuân H phải khôi phục hiện trạng đối với diện tích đất san lấp là 380,5m² (trong đó có 279,2m² được xác định bởi các điểm A2-G1-E1-E-D-T là của ông Vy Văn L được quản lý sử dụng; phần đường đi diện tích 101m² được xác định bởi các điểm K-H-G-F-F1-G1-A2- H1-K1; phần diện tích còn lại 61,6m² được xác định bởi các điểm K1-H1-A2-T và Phương Thị Đ được quản lý, không yêu cầu ông Trần Văn H phải khôi phục lại.

3. Bà Phương Thị Đ được quyền quản lý diện tích 781,5m², được thể hiện trên Bản phụ lục bổ sung bởi các điểm A1-A2-H1-K1-P-M-N-O (trong đó có 709,7m² thuộc thửa 288; diện tích 71,8m² thuộc thửa 246), tờ bản đồ đất lâm nghiệp năm 2011, xã X, (nay là xã B); địa danh: Lầy L xóm L, thôn Bản D, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn và được quyền sở hữu 33 cây vầu, 02 cây mắc mật, 01 cây xương cá, 01 cây xoan trồng trên diện tích đất.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phương Thị Đ đòi quyền quản lý sử dụng diện tích đất 1.080m², thuộc thửa 288 đã được chia cho ông Vy Văn L quản lý, sử dụng, được xác định bởi các điểm A1-A2-G1-D-C.

(Được thể hiện trên Phụ lục sơ đồ khu đất tranh chấp ngày 24/8/2020 kèm theo).

4. Buộc nguyên đơn, các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án phải chấm dứt việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đang tranh chấp và có nghĩa vụ đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự ông Vy Văn L, bà Phương Thị Đ, ông Trần Văn H về lối đi chung diện tích 101m², thuộc một phần thửa 246 và một phần thửa 288, tờ bản đồ đất lâm nghiệp năm 2011 xã X (nay là xã B), huyện V, tỉnh Lạng Sơn, được xác định bởi các điểm K-H-G-F-F1-G1-A2-H1-K1, thể hiện trên sơ họa mảnh trích đo địa chính kèm theo.

6. UBND xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn có trách nhiệm theo thẩm quyền quản lý diện tích 1.101,1m² (đất núi đá), thuộc một phần thửa 206, tại Lầy L, thôn Bản D, tờ bản đồ đất lâm nghiệp năm 2011, xã X (nay là xã B), huyện V,

tỉnh Lạng Sơn, được xác định theo các điểm A-A1-B-C-A2-O, thể hiện trên sơ họa mảnh trích đo địa chính, theo quy định của Luật đất đai.

7. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vy Văn L buộc ông Trần Xuân H và bà Phương Thị Đ bồi thường thiệt hại 02 cây lát và 03 cây xoan, trị giá là 10.000.000 đồng; do ông Vy Văn L rút yêu cầu khởi kiện.

8. Về chi phí tố tụng: Ông Vy Văn L phải chịu 9.000.000 đồng, bà Phương Thị Đ phải chịu 5.000.000 đồng, ông Trần Xuân H phải chịu 3.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc thửa đất; bên nguyên đơn đã thanh toán toàn bộ chi phí. Buộc bà Phương Thị Đ có nghĩa vụ phải trả lại ông Vy Văn L số tiền là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng); buộc ông Trần Xuân H có nghĩa vụ phải trả lại ông Vy Văn L số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Kể từ ngày ông Vy Văn L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Phương Thị Đ và ông Trần Xuân H chậm trả tiền, thì hàng tháng còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả, lãi xuất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định của Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự.

9. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vy Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền đã nộp 550.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2012/03905 ngày 21/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Trả lại cho ông Vy Văn L 250.000 đồng. Ông Trần Xuân H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ khôi phục hiện trạng một phần đất tranh chấp. Bà Phương Thị Đ được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

10. Án phí phúc thẩm: Ông Vy Văn L và bà Phương Thị Đ không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả lại ông Vy Văn L số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2012/03976 ngày 23/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Tổ HCTP; Phòng KTNV&THA;
- TAND huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- CC THADS huyện Văn Quan, T. Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người BVQLIHP của đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

